TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2018
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2.Ông Trần Văn Hải.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn,nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 92/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: ấp 2, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nhà tập thể Trường Mầm non G).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Sỹ Ngọc – Văn phòng Luật sư Chí Công thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Văn N, sinh năm 1991.
Địa chỉ: đường Đ, tổ 01, ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27-3-2018 và tại phiên tòa chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N, kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh H(Giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 31/8/2016). Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chị T và anh N cư trú tại địa chỉ: số nhà 545, quốc lộ 30, xã M1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Nhưng đến tháng 12/2016 thì P sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên đi nhậu về trễ cũng là thời gian chị T mang thai được 3 tháng. Từ tháng 5/2017 vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhiều hơn do anh N không quan tâm đến vợ con. Tháng 8/2017, chị T và anh N chuyển về nơi ở mới tại đường Đ, tổ 01, ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi đến nơi ở mới anh N thường xuyên nhậu và chửi bới, không tôn trọng chị T, thường xuyên đề nghị ly hôn với chị T. Cuối tháng 01/2018 anh N gây chuyện đánh đuổi chị T ra khỏi nhà và không cho chị T mang con theo, cảm thấy không chịu đựng được nữa chị T quyết định ra đi. Sau khi rời khỏi nhà chị T chuyển vào nhà tập thể Trường Mầm non G nơi chị T đang công tác ở. Khoảng thời gian đầu sau khi rời khỏi nhà, chị T có về thăm con nhưng anh N không cho, đồng thời gọi điện, nhắn tin, chửi bới, xúc phạm, đe dọa làm ảnh hưởng đến tinh thần và công việc của chị T. Trong khoảng thời gian xa nhau vợ chồng không hàn gắn tình cảm. Nay chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con chung: chị T và anh N có 01 con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 28/5/2017. Hiện nay con chung đang sống với anh N. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ý kiến ngày 19/4/2018 và phiên tòa hôm nay anh Lê Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N thống nhất về thời gian kết hôn cũng như nơi đăng ký kết hôn. Đối với mâu thuẩn của vợ chồng, anh N thừa nhận cuộc sống vợ chồng có đôi lúc cãi nhau nhưng không đến mức trầm trọng. Mâu thuẫn là do chị T cứ lo nhắn tin điện thoại không dỗ con nên bé khóc mãi, anh N có to tiếng với chị T nhưng T cứ cải lại cho rằng tại sao anh N nhắn tin được mà T thì không được. Anh N có giải thích nhưng chị T không nghe còn cải tay đôi với anh N nên trong lúc tức giận anh N có tác một bạc tay và chị T có đánh anh N. Anh N có nói đuổi T ra khỏi nhà vì không chấp nhận một người vợ không biết lý lẻ.

Một ngày sau chị T có xin phép cha mẹ anh N để đi, chị T đi được một ngày thì trở về xin lỗi anh N và anh N đã đồng ý. Nhưng không biết vì lý do gì ở được một đêm với con thì ngày hôm sau chị T đã xin phép cha mẹ anh N và anh N cho T được ra đi và gửi con lại cho anh N và ông bà nội chăm sóc. Nay anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh N đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T.

Về con chung: Anh N thống nhất như lời trình bày của chị T là vợ chồng có 01 con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 28/5/2017. Hiện nay con chung đang sống với anh N. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư N1trình bày: Chị T và anh N kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn, Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh N, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bởi vì, trong thời gian chị T mang thai đến khi sinh con anh N không quan tâm đến gia đình vợ con thường hay về trễ, không chia sẽ cùng chị T trong việc nuôi con, anh N nhiều lần đề nghị ly hôn với chị T. Chị T và anh N đã không còn sống chung từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay.

Vì những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Lê Văn N có địa chỉ tại xã M thành phố C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh N chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Hvào ngày 31/8/2016 nên hôn nhân của chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng P sinh mâu thuẫn nên từ tháng 1 năm 2018 chị T và anh N không còn sống chung với nhau cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Nay chị T và anh N thống nhất thuận tình ly hôn do vợ chồng P sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy, sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị T và anh N là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xự công nhận.

[4] Về nuôi con chung: chị T và anh N có 01 con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 28-05-2017 hiện nay con chung đang sống với anh N. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng bằng 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con

chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị T hiện nay là giáo viên mầm non, anh N làm nghề mua bán đá Hoa cương tuy mức thu nhập của chị T ít hơn anh N nhưng điều kiện chăm sóc nuôi con sẽ được thuận lợi hơn anh N. Hơn nữa, cháu P hiện nay chỉ được 12 tháng tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: "*Con dưới 36 tháng tuổi được cho mẹ trực tiếp nuôi* …" . Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Buộc anh N giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không chấp nhận yêu cầu của anh N về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh N không thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy chị T là người trực tiếp nuôi con, anh N không trực tiếp nuôi con thì có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên việc yêu cầu của chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử buộc anh N có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mức cấp bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh N xuất P từ những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, tại phiên tòa chị T yêu cầu được ly hôn anh N, anh N đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N; về nuôi con chung hiện nay con chung được 12 tháng tuổi đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao con chung cho chị T nuôi dưỡng đồng thời buộc anh N có N vụ cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có một phần căn cứ chấp nhận như nhận định trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp. Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51,55, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T với anh Lê Văn N.

- Về nuôi con chung: Buộc anh Lê Văn N có trách nhiệm giao con chung tên Lê Văn P sinh ngày 28-5-2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay con chung đang sống với anh N.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh N có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 28-5-2017 mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương cơ sở, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003149 ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- CCTHA TPCL;
- UBND xã Q, huyện S,tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Thơm